TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 153/2019/DS-PT
Ngày 26/9/2019
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huờn.
Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Lưu Thị Thu Hường.
-Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng là Thư ký Tòa án.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu- Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 26/9/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đăk Lăk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:106/2019/TLPT-DS ngày 17/6/2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"; Do bản án dân sự sơ thẩm số:10/2019/DS-ST ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:174/2019/QĐXXPT-DS ngày 16/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:139/2019/QĐ-PT ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H- Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn ED, huyện E, tỉnh Đăk Lăk

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị H: Luật sư Đỗ Thị Hằng N, Văn phòng Luật sư Đ, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đăk Lăk- Có mặt

Bị đơn: Ông Trần Văn L- Có mặt; Bà Đinh Thị T- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã EK, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đăk Lăk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y T1; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện E- Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L2- Vắng mặt

3. Bà Trịnh Thị N1- Vắng mặt

4. Bà Phạm Thị M- Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn ED, huyện E, tỉnh Đăk Lăk

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị D- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã EK, huyện E, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/9/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/7/2017 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày: Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 34, diện tích khoảng 8.300m^2, tại thôn 11, xã EK, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, có nguồn gốc do bố của bà là ông Phạm V (đã chết ngày 24/4/2008) khai hoang vào năm 1986; Năm 1994, bố của bà trồng cây Cà Phê trên đất và đào hồ nước trên đất rộng khoảng 400m^2, để tưới nước cây Cà Phê; Năm 1998, bố mẹ của bà và anh em ruột trong gia đình, tặng cho bà và chị ruột của bà là bà Phạm Thị M toàn bộ thửa đất nêu trên, cùng với hồ nước trên đất. Trong đó, bà được tặng cho 4.300m^2 đất, trong đó có hồ nước; Cuối tháng 3/2016, do hạn hán, nên gia đình bà cải tạo lại hồ nước, đào sâu xuống để đủ nước tưới cây Cà Phê, thì vợ chồng ông Trần Văn L, bà Đinh Thị T có đất liền kề với hồ nước không có ý kiến gì nhưng khi thu dọn dụng cụ trên bờ hồ, thì vợ chồng ông L đến tranh chấp hồ nước, không cho gia đình bà sử dụng hồ nước và cho rằng hồ nước thuộc đất của vợ chồng ông L. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông L trả lại diện tích đất thuộc hồ nước cho gia đình bà và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0438626, do UBND huyện E cấp ngày 19/11/1994, cho hộ ông Trần Văn L, đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, liền kề với thửa đất của gia đình bà. Vì UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông L, chồng lên diện tích đất thuộc hồ nước của gia đình bà.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T trình bày: Các thửa đất số 135, 136, 137, tờ bản đồ số 34, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 9.560m^2, tại thôn 11, xã EK, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, có nguồn gốc do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trương K, bà Huỳnh Thị D vào năm 1992. Tuy nhiên, do đất của vợ chồng ông bà giáp với suối nước, nên mỗi lần có lũ lụt, đất được bồi đắp thêm cát, nên diện tích hiện tại lớn hơn 9.560m^2. Khi vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông K, trên đất không có hồ nước; Năm 1995, ông Phạm V là bố của bà Phạm Thị H đào hồ nước khoảng 20m^2 trên đất của vợ chồng ông bà, để lấy nước tưới cây Cà Phê; vợ chồng, ông bà không đồng ý nhưng ông V vẫn cứ đào hồ nước và sử dụng hồ nước; Sau đó, vợ chồng bà H tiếp tục mở rộng hồ nước, để tưới nước cây Cà Phê; Vợ chồng ông bà phản đối nhưng vợ chồng bà H vẫn tiếp tục mở rộng hồ nước; Năm 2016, vợ chồng bà H thuê máy xúc mở rộng hồ nước, vợ chồng ông bà không biết. Sau khi vợ chồng bà H mở rộng xong hồ nước, vợ chồng ông bà mới biết và không cho vợ chồng bà H sử dụng hồ nước; Vợ chồng ông bà nghe ông Nguyễn Văn C nói rằng diện tích

đất thuộc hồ nước, có nguồn gốc là của vợ chồng ông K, cho ông V mượn đất để đào hồ nước; Vợ chồng ông K đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông bà; Hồ nước nằm trong thửa đất số 137 của vợ chồng ông bà và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/11/1994. Vì vậy, vợ chồng ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L2 trình bày: Ông là chồng bà Phạm Thị H; Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị N1 trình bày: Bà là vợ ông Phạm V; Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 34, diện tích khoảng 8.300m^2, tại thôn 11, xã EK, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, có nguồn gốc do vợ chồng bà khai hoang từ năm 1986; Hồ nước đang tranh chấp, do gia đình bà đào hồ vào năm 1994, để lấy nước tưới cây Cà Phê và nuôi cá; Gia đình bà sử dụng hồ nước từ năm 1994 đến nay và không có tranh chấp; Năm 1998, vợ chồng bà và các con trong gia đình đồng ý tặng cho hai con là Phạm Thị H và Phạm Thị M thửa đất nêu trên, cùng với hồ nước nhưng không làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị M trình bày: Bà là con ông Phạm V và bà Trịnh Thị N1; Nguồn gốc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 34 và hồ nước trên đất, đúng như mẹ của bà, là bà Trịnh thị N1 đã trình bày; Năm 1998, bà được gia đình tặng cho 4.000m^2 đất, thuộc thửa đất nêu trên, không có hồ nước; Bà Phạm Thị H được gia đình tặng cho 4.300m^2 đất, thuộc thửa đất nêu trên cùng với hồ nước.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện E trình bày: Ngày 19/11/1994, UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn L, các thửa đất số 135, 136, 137, tờ bản đồ số 34 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm V, thửa đất số 131, tờ bản đồ số 34; Việc tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc hồ nước giữa gia đình bà Phạm Thị H và gia đình ông Trần Văn L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là bà Huỳnh Thị D trình bày: Bà là vợ ông Trương K (đã chết năm 2001); Các thửa đất số 135, 136, 137, tờ bản đồ số 34, tại thôn 11, xã EK, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, có nguồn gốc là của ông Phạm V khai hoang; Sau đó, ông V tặng cho ông Trương K các thửa đất nêu trên; Bà không nhớ thời gian ông V tặng cho ông V các thửa đất; Vợ chồng bà sử dụng đất được một năm, rồi chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần văn L, bà Đinh Thị T; Hồ nước đang tranh chấp giữa bà Phạm Thị H và vợ chồng ông L, không nằm trong diện tích đất vợ chồng bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông L.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 22/4/2019 của TAND huyện Ea H'leo đã áp dụng: Khoản 2 Điều 26, Điều 30, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 162, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 271 BLTTDS; Điều 609 BLDS năm 1995; Điều 95, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn L2 được quyền sử dụng 338,7m^2 đất (phần diện tích đất hồ nước) thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34 (nay là thửa đất số 72, tờ bản số 40) do UBND huyện E cấp cho hộ ông Trần Văn L, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0438626 ngày 19/11/1994, có tứ cận: hướng Đông giáp đất ông Phạm V (bà Phạm Thị H đang sử dụng) thửa đất số 131, tờ bản đồ số 34, cạnh dài 20,85m; hướng Tây giáp đất ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T, cạnh dài 19,53m + 5,92m = 25,45m (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40); hướng Nam giáp đất ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T, cạnh dài 10,58m + 9,38m + 2,40m = 22,36m (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40); hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T, cạnh dài 6,79m + 12,69m + 8,41m + 091m = 28,8m (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40)

2. Buộc bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Văn L2 phải trả cho ông Trần Văn L và bà Định Thị T 10.161.000đ là giá trị 338,7m^2 đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0438626, do UBND huyện E cấp ngày 19/11/1994 cho hộ ông Trần Văn L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; Quyết định về lãi suất chậm trả tiền trong giai đoạn thi hành án, về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 06/5/2019, bị đơn là ông Trần Văn L có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đăk Lăk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L, VKSND tỉnh Đăk Lăk xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì diện tích đất thuộc hồ nước đang tranh chấp, nằm trong thửa đất số 137 của vợ chồng ông Trần Văn L, đã được UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình ông L vào ngày 19/11/1994, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L; sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì các thửa đất số 131, 135, 136, 137, tờ bản đồ số 34, tại thôn 11, xã EK, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, có nguồn gốc do ông Phạm V khai hoang từ năm 1986; Sau đó, ông V tặng cho vợ chồng ông Trương K, bà Huỳnh Thị D các thửa đất số 135, 136,137; Năm 1992, vợ chồng ông K chuyển nhượng 03 thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông Trần Văn L, bà Đinh Thị T; Tại thời điểm chuyển nhượng, đất không có giấy tờ hợp pháp, các bên không lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đất chưa được đăng ký quyền sử dụng đất, chưa được đo đạc địa chính; chưa được đánh số thửa đất; Ngày 19/8/1994, ông Phạm V đăng ký và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 131, ông Trần Văn L đăng ký và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất các thửa đất số 135, 136, 137; Các thửa đất nêu trên, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 19/11/1994; Thửa đất số 131 liền kề với thửa đất số 137. Hồ nước đang tranh chấp nằm liền kề giữa thửa đất số 131 và thửa đất số 137.

[3] Năm 1994, ông Phạm V đào hồ nước đang tranh chấp, để lấy nước tưới cây Cà Phê trên thửa đất số 131; Năm 1998, vợ chồng ông Phạm V tặng cho hai con là Phạm Thị M và bà Phạm Thị H thửa đất số 131, cùng với hồ nước; Bà H được sử dụng một phần diện tích thửa đất số 131, trong đó có hồ nước. Từ năm 1994 đến năm 2015, gia đình ông Phạm V và gia đình bà Phạm Thị H, liên tục sử dụng ổn định hồ nước và không có tranh chấp; Vợ chồng ông L, bà T cho rằng từ năm 1994 đến năm 2015, vợ chồng ông bà có tranh chấp diện tích đất thuộc hồ nước với gia đình ông V, bà H, là không có căn cứ. Bởi lẽ, căn cứ Thông báo số:04/TB-UBND ngày 21/02/2017 của UBND xã EK, thì gia đình ông V đào hồ nước từ năm 1994 và sử dụng liên tục đến năm 2015, vợ chồng ông L không có tranh chấp.

[4] Tháng 3/2016, gia đình bà H cải tạo, đào sâu hồ nước, thì vợ chồng ông L, bà T tranh chấp với lý do: Hồ nước nằm trong thửa đất số 137, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà, nên hồ nước thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, gia đình ông Phạm V và bà Phạm Thị H liên tục sử dụng ổn

định hồ nước trước ngày 01/7/2004 đến năm 2015 và không có tranh chấp, nên được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất diện tích hồ nước, thuộc quyền sử dụng của gia đình ông V, bà H, được quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Hơn nữa, bà Huỳnh Thị D cũng thừa nhận, diện tích đất hồ nước, nằm ngoài diện tích đất, mà chồng bà là ông Trương K chuyển nhượng cho vợ chồng ông L vào năm 1992.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ Thông báo số:04/TB-UBND ngày 21/02/2017 của UBND xã EK, nhận định: Thửa đất số 131, được đo đạc năm 1993-1994 có diện tích 7.820m^2; Kết quả đo đạc năm 2008, có diện tích 7.917m^2, lớn hơn diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 97m^2. Các thửa số 135, 136, 137 liền kề nhau, được đo đạc năm 1993-1994 có tổng diện tích 9.560m^2; kết quả đo đạc năm 2008, có tổng diện tích 9.537,6m^2, nhỏ hơn diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 22,4m^2. Từ đó cho rằng diện tích đất hồ nước, không nằm trong thửa đất số 131, nên diện tích đất hồ nước không thuộc quyền sử dụng của gia đình bà H, mà thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông L. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ. Bởi lẽ, kết quả đo đạc diện tích thửa đất số 131, tại thời điểm năm 1093-1994 nhỏ hơn kết quả đo đạc năm 2008, không phải là căn cứ để cho rằng gia đình ông V, bà H đào hồ nước, lấn sang diện tích đất thửa đất số 137 của vợ chồng ông L.

[6] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối 04 thửa đất nêu trên không được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về đất đai. Bởi lẽ, khi nhận đơn đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất của V, ông L nhưng chưa có biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới các thửa đất nhưng Ủy ban nhân dân xã EK không tiến hành thẩm tra hiện trạng các thửa đất về diện tích, ranh giới, mà ban hành tờ trình đề nghị UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là thực hiện chưa đầy đủ về trình tự, thủ tục. Tại thời điểm năm 1993, cán bộ địa chính xã EK, lập bản đồ địa chính thửa đất số 131 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, chưa phản ánh đúng vị trí, hình thể các thửa đất; chưa xác định hồ nước thuộc quyền sử dụng của ai, dẫn đến lập bản đồ địa chính thửa đất số 131 và thửa đất số 137 không đúng, vi phạm khoản 1 mục II Quyết định số:201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Văn L2 được quyền sử dụng diện tích đất hồ nước và buộc vợ chồng bà H thanh toán cho vợ chồng ông Trần Văn L, bà Đinh Thị T giá trị diện tích đất hồ nước, là đã có lợi cho cho vợ chồng ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L không được chấp nhận, ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 mục II Quyết định số:201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn L2 được quyền sử dụng 338,7m^2 đất (diện tích đất thuộc hồ nước) thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34 (nay là thửa đất số 72, tờ bản số 40) tại thôn 11, xã EK, huyện E; Được UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0438626, cho hộ ông Trần Văn L vào ngày 19/11/1994. Diện tích đất thuộc hồ nước có tứ cận: hướng Đông giáp đất ông Phạm V (bà Phạm Thị H đang sử dụng) thửa đất số 131, tờ bản đồ số 34, cạnh dài 20,85m (nay là thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40); hướng Tây giáp đất ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T, cạnh dài 19,53m + 5,92m = 25,45m (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40); hướng Nam giáp đất ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T, cạnh dài 10,58m + 9,38m + 2,40m = 22,36m (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40); hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T, cạnh dài 6,79m + 12,69m + 8,41m + 0,91m = 28,8m (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40)

2. Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn L2 phải trả cho ông Trần Văn L và bà Định Thị T giá trị 338,7m^2 đất thuộc hồ nước là 10.161.000đ.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền, để điều chỉnh hình thể, diện tích thửa đất số 131 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 34 (nay là thửa đất số 58 và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0000752 ngày 09/5/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Huờn